

Số : 86 /THP-CBTT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

- 1. Tên tổ chức : Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước
- Mã chứng khoán : THP
- Địa chỉ : 02 Bùi Quốc Hưng, KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng , P. Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ : 0236.3920920 Fax : 0236.3923308.
- Email : info@thuanphuoc.vn. Website : www.thuanphuoc.vn

2. Nội dung thông tin công bố :

Báo cáo Tài chính bán niên soát xét năm 2026

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC(đối với BCTC được kiểm toán):

- ☐
- Có
- ☐
- Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐
- Có
- ☐
- Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

- ☐
- Có
- ☐
- Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒
- Có
- ☐
- Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày : 29.../ 08 /2026 tại đường dẫn : [www.thuanphuoc.vn\(quanhecodong/baocaotaichinh\)](http://www.thuanphuoc.vn(quanhecodong/baocaotaichinh))

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THỊ PHI ANH

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Bán niên năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

5 – 7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

9 - 10

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

11 – 43



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng ban
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/05/2026
Bà Lê Thị Minh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/05/2026
Bà Lê Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/05/2026
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/05/2026
Ông Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/05/2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là Bà Nguyễn Thị Phi Anh, Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

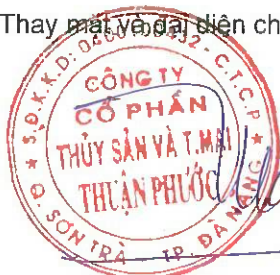
KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Số: 373/2026/BCSX-E.AFA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2026 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

910
ÔNG
P
Y S
TH
V TR

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kim Văn Việt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.579.331.460.138	1.016.043.449.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	15.184.288.867	38.431.067.790
1. Tiền	111		10.184.288.867	14.981.067.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	23.450.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	7.375.931.552	5.953.940.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.723.022.864	1.364.547.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(347.091.312)	(410.607.600)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.881.454.469	268.897.807.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	252.917.174.265	250.910.537.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	7.268.010.276	5.930.862.271
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.5	28.760.314.528	12.120.452.504
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	4.6	(64.044.600)	(64.044.600)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	1.239.232.385.250	637.926.785.402
1. Hàng tồn kho	141		1.239.234.171.190	637.928.571.342
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.785.940)	(1.785.940)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		7.451.434.155	1.432.270.512
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	4.8	7.451.434.155	1.432.270.512
2. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		21.205.965.845	63.401.578.286
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.9	945.539.551	654.950.678
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		20.260.426.294	62.746.627.608



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		402.743.882.538	419.671.079.582
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		357.531.387.705	372.331.698.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	322.979.592.373	337.459.086.200
Nguyên giá	222		773.911.290.291	765.506.441.481
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(450.931.697.918)	(428.047.355.281)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	34.551.795.332	34.872.611.924
Nguyên giá	228		41.845.871.696	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.294.076.364)	(6.808.259.772)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		7.193.520.370	8.834.297.228
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	4.12	7.193.520.370	8.834.297.228
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		38.018.974.463	38.505.084.230
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	4.9	38.018.974.463	38.505.084.230
2. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.982.075.342.676	1.435.714.529.349

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.590.542.183.302	1.055.995.497.790
I. Nợ ngắn hạn	310		1.561.343.472.178	1.007.547.186.666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	61.569.172.745	94.125.631.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	40.118.497.160	13.436.899.154
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	4.15	736.780.070	5.262.825.550
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	4.16	2.532.986.852	4.656.189.606
5. Phải trả người lao động	315	4.17	39.846.023.990	55.329.215.390
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.18	67.894.400.249	7.720.467.178
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	4.19	763.675.491	16.203.912.948
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	4.20	1.337.523.538.488	800.753.648.426
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.21	10.358.397.133	10.058.397.133
II. Nợ dài hạn	330		29.198.711.124	48.448.311.124
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	4.20	29.198.711.124	48.448.311.124
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.22	391.533.159.374	379.719.031.559
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(4.234.000)	(4.234.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		159.711.415.559	130.619.210.033
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.714.127.815	32.992.205.526
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		15.714.127.815	32.992.205.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.982.075.342.676	1.435.714.529.349



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

32-C
Y
AN
AT.MA
PHUOC
TP. DT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.348.772.063.028	1.465.009.317.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	27.063.939.111	17.772.802.240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.321.708.123.917	1.447.236.515.007
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	1.147.839.390.209	1.334.023.879.598
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.868.733.708	113.212.635.409
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.4	12.595.633.912	25.307.882.317
8. Chi phí tài chính	23	5.5	19.877.064.115	38.680.471.590
Trong đó, chi phí lãi vay	24		19.662.596.735	17.018.994.636
10. Chi phí bán hàng	25	5.6	131.969.897.864	62.181.685.093
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	20.848.555.733	22.613.285.842
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.768.849.908	15.045.075.201
13. Thu nhập khác	31	5.8	5.441.533.204	1.607.608.875
14. Chi phí khác	32	5.9	997.345.973	99.824.396
15. Lợi nhuận khác	40		4.444.187.231	1.507.784.479
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.213.037.139	16.552.859.680
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	2.498.909.324	2.392.611.218
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.714.127.815	14.160.248.462
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.22.5	676	591
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.22.6	676	591



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.213.037.139	16.552.859.680
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		24.907.852.801	22.670.589.123
Các khoản dự phòng	03		(63.516.288)	86.030.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.975.393.011)	14.152.487.977
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.569.432.906)	(157.820.458)
Chi phí lãi vay	06		19.662.596.735	17.018.994.636
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		58.175.144.470	70.323.140.958
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.799.097.245	(24.674.629.355)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(607.324.763.491)	(363.860.337.357)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.302.953.151	46.222.086.253
Tăng giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.035.029.821)	1.532.472.465
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.358.475.264)	-
Chi phí lãi vay đã trả	14		(20.310.061.309)	(17.536.207.207)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.201.016.060)	(3.800.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.600.000.000)	(7.201.235.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(535.552.151.079)	(298.994.709.943)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.054.514.809)	(1.411.810.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.909.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		793.490.152	131.028.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.240.115.566)	(1.280.781.457)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.797.457.153.345	1.662.111.303.790
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.276.371.783.321)	(1.409.643.020.275)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(4.526.045.480)	(8.510.953.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		516.559.324.544	243.957.330.515
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(23.232.942.101)	(56.318.160.885)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.431.067.790	61.956.297.904
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.836.822)	40.074.985
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		15.184.288.867	5.678.212.004



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29/06/2007, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400100432.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo số 1330/TB-SGDHN ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là THP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 216.111.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 2.459 (31/12/2025: 2.567).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và Thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp đông lạnh 32	Số 03, đường Vân Đồn, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp thủy sản và thực phẩm	Lô B3-3 đường Phạm Văn Xảo, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn	Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước - Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 như trình bày sau đây:

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015, Thông

0100
ÔNG
Ổ P
Y S
TH
Y TR

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 có ảnh hưởng đến Công ty theo phương pháp điều chỉnh phi hồi tố theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 30, Thông tư 99.

Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với yêu cầu trình bày của Thông tư 99 và được trình bày tại Thuyết minh số 8.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm (các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

2.C.
T.MAI
THUẬN
PHƯỚC
TP. ĐÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho và tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2026</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 13 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 – 08 năm

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị các quyền sử dụng diện tích đất tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.10. Tài sản sinh học

Tài sản sinh học phản ánh các tài sản liên quan đến hoạt động nông nghiệp (bao gồm cả các tài sản sinh học được tạo ra/sinh ra từ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ của doanh nghiệp).

0400
CÔ
CỔ
THỦY S
TH
SƠN TR

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tài sản sinh học

Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần

Toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng,... phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản này được hạch toán vào giá gốc của tài sản sinh học.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng về việc các tài sản sinh học này bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của tài sản sinh học thì phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học;

Số tăng hoặc giảm dự phòng tổn thất tài sản sinh học được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí chờ phân bổ khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả cổ tức, lợi nhuận và phải trả khác theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận là các khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) phải trả cho các cổ đông của công ty;
- Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định; cơ sở trích trước chi phí tư vấn kỹ thuật; chi phí vận chuyển; chi phí tiền điện được trích trước theo hóa đơn thực tế phát sinh; cơ sở trích trước của chi phí thuế chống bán phá giá và thuế trợ cấp hàng xuất khẩu được xác định là tổng giá trị hóa đơn trừ cước vận chuyển và bảo hiểm nhân với tỷ lệ thuế suất và các chi phí phải trả khác.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm: chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Áp dụng mức thuế suất là 15% đối với hoạt động chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Thuế giá trị gia tăng

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản;
- Các hoạt động khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế, nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu đông lạnh An An tại Đồng Tháp chỉ thực hiện sản xuất và thành phẩm được chuyển về kho tại Đà Nẵng để xuất khẩu. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến thủy sản và xuất khẩu tại khu vực địa lý chủ yếu là các thị trường bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		19.236.135		1.099.933
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		10.165.052.732		14.979.967.857
- Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		9.106.661.091		14.324.736.773
+ VND		194.890.045		69.641.186
+ USD	338.837,67	8.906.686.994	545.896,81	14.235.351.115
+ EUR	128,38	3.869.087	133,66	4.056.407
+ JPY	7.485,00	1.214.965	95.928,00	15.688.065
- Các ngân hàng khác		1.058.391.641		655.231.084
+ VND		246.572.679		157.834.997
+ USD	30.947,71	811.818.962	19.074,13	497.396.087
Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000		23.450.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng		5.000.000.000		23.450.000.000
Cộng		15.184.288.867		38.431.067.790

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THỤẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
	VND				VND			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư cổ phiếu:								
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	52.271.552	57.417.750	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	534.996.837	491.630.000	(43.366.837)	-	-	-	-	-
Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	41.250.000	19.750.000	(21.500.000)	41.250.000	23.700.000	(17.550.000)	41.250.000	(17.550.000)
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNIM)	1.177.799.741	915.160.000	(262.639.741)	1.323.297.600	930.240.000	(393.057.600)	1.323.297.600	(393.057.600)
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	916.704.734	897.120.000	(19.584.734)	-	-	-	-	-
Cộng	2.723.022.864	2.381.077.750	(347.091.312)	1.364.547.600	953.940.000	(410.607.600)	1.364.547.600	(410.607.600)

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Á Châu, Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát, Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân Đội trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
	VND				VND			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn								
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Planets Pride A/s	-	-	33.122.916.738	-
DARIK ENTERPRISES INC	30.478.853.574	-	-	-
Các khách hàng khác	222.438.320.691	64.044.600	217.787.620.864	64.044.600
Cộng	252.917.174.265	64.044.600	250.910.537.602	64.044.600

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
COMERCIALIZADORA INTERNACIONAL DE MARISCOS CINTEMAR S.A.S	1.739.939.136	-	1.739.939.136	-
Công ty TNHH Phát triển bền vững cộng đồng	983.645.720	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Nông lâm Thủy sản Thuận Thành	755.924.400	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Thực Phẩm Sài Gòn	776.820.000	-	336.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.011.681.020	-	3.854.323.135	-
Cộng	7.268.010.276	-	5.930.862.271	-

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	15.799.530.926	-	265.587.667	-
+ Nguyễn Thị Phi Anh (*)	15.393.835.480	-	-	-
+ Các đối tượng khác	405.695.446	-	265.587.667	-
BHXH, BHYT, BHTN	1.062.039.602	-	15.906.837	-
Ký cược, ký quỹ	11.898.744.000	-	11.838.958.000	-
Cộng	28.760.314.528	-	12.120.452.504	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	15.393.835.480	-	-	-

(*) Bà Nguyễn Thị Phi Anh đã tạm ứng 15.000.000.000 VND vào ngày 30/06/2026 và ngày 03/04/2026 để mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	64.044.600	-	64.044.600	-
Cộng	64.044.600	-	64.044.600	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quang Tiến	64.044.600	-	Trên 3 năm	64.044.600	-	Trên 3 năm
Cộng	64.044.600	-		64.044.600	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	18.538.977.932	-	51.419.610.264	-
Hàng gửi đi bán	6.993.166.964	-	14.578.158.985	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.018.075.112.362	1.785.940	328.751.666.965	1.785.940
Công cụ, dụng cụ	18.859.907.191	-	13.816.385.890	-
Sản phẩm	176.767.006.741	-	229.362.749.238	-
Cộng	1.239.234.171.190	1.785.940	637.928.571.342	1.785.940

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, khả năng tiêu thụ thấp tại thời điểm cuối kỳ là 1.785.940 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 958.667.969.022 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.8. Tài sản sinh học ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	7.451.434.155	7.451.434.155	1.432.270.512	1.432.270.512
Cộng	7.451.434.155	7.451.434.155	1.432.270.512	1.432.270.512

Tài sản sinh học của công ty là tôm thương phẩm được thu hoạch 1 lần.

Không có tài sản sinh học dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

4.9. Chi phí chờ phân bổ

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm	575.822.605	519.810.800
Chi phí chờ phân bổ khác	369.716.946	135.139.878
Cộng	945.539.551	654.950.678
Dài hạn:		
Tiền thuê đất Thuận Phước	23.805.133.296	24.270.380.202
Tiền thuê đất vùng nuôi Ba Tri Bến Tre	5.085.304.163	5.814.380.758
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.525.055.679	1.787.461.907
Chi phí sửa chữa tài sản	1.633.887.898	1.196.820.177
Tiền thuê đất Thửa đất số 3488(Dt:1377.90m2)	491.512.264	497.183.560
Chi phí cải tạo, nâng cấp Điền Môn	33.489.995	32.006.586
Tiền thuê bãi bồi	2.699.105.916	2.729.661.834
Chi phí chờ phân bổ khác	1.745.485.252	2.177.189.206
Cộng	38.018.974.463	38.505.084.230

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quân lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2026	406.588.446.349	317.484.680.181	37.320.681.089	4.112.633.862	765.506.441.481
Mua trong kỳ	-	4.377.777.778	1.248.437.037	-	5.626.214.815
XDCB hoàn thành	-	-	3.085.776.852	-	3.085.776.852
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(307.142.857)	-	(307.142.857)
Tại ngày 30/06/2026	406.588.446.349	321.862.457.959	41.347.752.121	4.112.633.862	773.911.290.291
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2026	187.117.634.389	203.542.393.290	33.440.298.756	3.947.028.846	428.047.355.281
Khấu hao trong kỳ	10.686.313.704	11.045.646.475	1.393.312.219	66.213.096	23.191.485.494
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(307.142.857)	-	(307.142.857)
Tại ngày 30/06/2026	197.803.948.093	214.588.039.765	34.526.468.118	4.013.241.942	450.931.697.918
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2026	219.470.811.960	113.942.286.891	3.880.382.333	165.605.016	337.459.086.200
Tại ngày 30/06/2026	208.784.498.256	107.274.418.194	6.821.284.003	99.391.920	322.979.592.373

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm 30/06/2026 là 275.075.055.561 VND.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/06/2026 là 205.983.949.818 VND.

Danh mục tài sản cố định hữu hình có nguyên giá chiếm trên 10% tổng nguyên giá:

Tên tài sản	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà máy An An	96.879.185.173	71.852.062.333	96.879.185.173	74.274.041.965



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	41.004.099.758	676.771.938	41.680.871.696
Tăng trong kỳ	-	165.000.000	165.000.000
Tại ngày 30/06/2026	41.004.099.758	841.771.938	41.845.871.696
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2026	6.161.016.299	647.243.473	6.808.259.772
Khấu hao trong kỳ	449.043.504	36.773.088	485.816.592
Tại ngày 30/06/2026	6.610.059.803	684.016.561	7.294.076.364
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	34.843.083.459	29.528.465	34.872.611.924
Tại ngày 30/06/2026	34.394.039.955	157.755.377	34.551.795.332

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là 34.394.039.955 VND.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 676.771.938 VND.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại 30/06/2026 gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3378 tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích 21.355 m², có thời hạn sử dụng đến ngày 13/02/2067. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Đồng Tháp;
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3388 tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp với 214,7 m² có thời hạn sử dụng đến tháng 10/2043. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Đồng Tháp;
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3388 tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp với 1.377,9 m² có thời hạn sử dụng đến ngày 11/01/2068. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Đồng Tháp.

Danh mục tài sản cố định vô hình có nguyên giá chiếm trên 10% tổng nguyên giá:

Tên tài sản	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất số 3378 tại Đồng Tháp (có thời hạn)- An An	18.846.279.560	15.796.866.682	18.846.279.560	15.991.500.555
Quyền sử dụng đất số 3388 tại Đồng Tháp 1377,9 m ² -An An	18.085.997.147	15.530.581.356	18.085.997.147	15.713.885.382

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nhà máy An An mở rộng	5.748.520.370	5.748.520.376
Máy móc thiết bị tại nhà máy Thọ Quang	1.445.000.000	-
Lắp đặt hệ thống PCCC	-	3.085.776.852
Cộng	7.193.520.370	8.834.297.228

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Royale Marine Impex PVT Ltd	5.178.131.712	19.006.633.152
NAQ FOODS INDIA PRIVATE LIMITED	-	12.620.524.059
ITC LIMITED	7.777.193.292	-
Maa Nachinda Sea Foods Private Limited	-	22.558.348.956
BRC MARINE PRODUCTS	5.087.287.296	-
Các đối tượng khác	43.526.560.445	39.940.125.114
Cộng	61.569.172.745	94.125.631.281

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
TOKYO EUROPE TRADING CO., LTD. IN SEIJOISHII GROUP	6.587.797.897	383.039.711
Stutzer & Co Ag	-	2.669.542.082
Palaxar Limited	-	1.448.866.193
COMINPORT DISTRIBUCION,S.L.	788.100.000	1.556.802.240
Các khách hàng khác	32.742.599.263	7.378.648.928
Cộng	40.118.497.160	13.436.899.154

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức năm 2025	49.105.500	4.566.562.980
Phải trả về cổ tức năm 2019	143.640.000	143.640.000
Phải trả về cổ tức năm 2010	104.224.740	104.224.740
Phải trả về cổ tức năm 2009	87.300.000	87.300.000
Phải trả về cổ tức năm khác	352.509.830	361.097.830
Cộng	736.780.070	5.262.825.550

Các khoản cổ tức các năm đã cam kết trả nhưng đến thời điểm hiện tại cổ đông chưa làm thủ tục để nhận theo quy định là 736.780.070 VND.

4.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	2.628.516	206.170.073	203.931.150
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.334.460.125	1.334.460.125
Thuế xuất, nhập khẩu	-	23.524	23.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.459.037.913	2.498.909.324	4.201.016.060
Thuế thu nhập cá nhân	71.320.423	219.170.766	642.505.707
Thuế tài nguyên	-	182.019.840	182.019.840
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	16.971.356	16.971.356
Cộng	2.532.986.852	4.457.725.008	6.580.927.762

4.17. Phải trả người lao động

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền lương phải trả CBNV	39.846.023.990	55.329.215.390
Cộng	39.846.023.990	55.329.215.390

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	-	647.464.574
Chi phí tư vấn kỹ thuật	2.812.961.467	2.190.919.033
Chi phí vận chuyển	393.734.619	1.741.843.858
Chi phí tiền điện	1.572.644.406	1.137.472.844
Thuế chống bán phá giá	44.856.489.910	-
Thuế trợ cấp hàng xuất khẩu	2.516.181.087	-
Thuế nhập khẩu vào thị trường Mỹ	9.722.521.810	-
Các khoản chi phí khác	6.019.866.950	2.002.766.869
Cộng	67.894.400.249	7.720.467.178

4.19. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Kinh phí công đoàn	763.675.491	1.031.088.038
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	389.366.900
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng - LCUPAS	-	14.783.458.010
Cộng	763.675.491	16.203.912.948

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.20. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2026		Trong kỳ		Ngoại tệ		Tại ngày 01/01/2026	
	Ngoại tệ	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Ngoại tệ	VND
Vay ngắn hạn (USD)								
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	22.797.185,02 #	599.246.805.436		599.246.805.436	1.006.813.863.708	850.955.415.515	16.809.658,31 #	443.388.357.243
- Ngân hàng TMCP Công thương VN	22.822.238,00 #	599.905.348.068		599.905.348.068	689.475.754.014	344.244.508.512	9.855.158,00 #	254.674.102.566
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.337.264,00 #	35.151.321.504		35.151.321.504	35.168.212.006	16.890.502	- #	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu	2.462.180,00 #	64.720.863.480		64.720.863.480	64.777.450.050	56.586.570	- #	-
Vay ngắn hạn (VND)								
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN		-	-	-	1.221.873.567	10.658.465.218		9.436.591.651
- Ngân hàng TMCP Công thương VN		-	-	-	-	27.010.495.720		27.010.495.720
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN		-	-	-	-	27.744.901.246		27.744.901.246
Vay dài hạn đến hạn trả		715.200.000		715.200.000	357.600.000	357.600.000		715.200.000
- Quỹ đầu tư phát triển		37.784.000.000		37.784.000.000	760.000.000	760.000.000		37.784.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN								
Cộng		1.337.523.538.488	1.337.523.538.488	1.798.574.753.345	1.261.804.863.283			800.753.648.426
Vay dài hạn (VND)								
- Ngân hàng TMCP Công thương VN		25.802.511.124		25.802.511.124	-	18.892.000.000		44.694.511.124
- Quỹ đầu tư phát triển		3.396.200.000		3.396.200.000	-	357.600.000		3.753.800.000
Cộng		29.198.711.124	29.198.711.124	-	-	19.249.600.000		48.448.311.124
Tổng cộng		1.366.722.249.612	1.366.722.249.612	1.798.574.753.345	1.281.054.463.283			849.201.959.550

0010
CÔNG
CỔ P
ỦY SÃ
THU
YÊN TRÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số 365/2025/CSTD/VCB-KHDN ngày 06/10/2025, với hạn mức 650 tỷ VND với thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản sẵn đảm bảo sau:
- + Công trình Nhà máy chế biến Thủy sản và Thực phẩm đông lạnh Xuất khẩu cùng với phần giá trị gia tăng mà Công ty đầu tư thêm gắn liền với Tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 46/2017/VCB-DN ngày 17/07/2017 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 51, tờ bản đồ số 14, KDC Phúc Lộc Viên, Phường An Hải, TP Đà Nẵng của bà Lê Thanh Thảo ngày 09/12/2022.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 30/2009/VCB-DN ngày 08/05/2009 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- * Hai máy phát điện đã qua sử dụng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 75/2011/VCB-DN ngày 10/06/2011 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.
- + Các động sản được hình thành từ Xí nghiệp đông lạnh 32 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 32/2009/VCB-DN ngày 04/06/2009 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- + Hàng hóa luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 07/2019/VCB-DN ngày 14/02/2019 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 09/2019/VCB-DN ngày 14/02/2019 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300029792/2025-HĐCVHM/NHCT480-THUANPHUOC ngày 12/09/2025, với hạn mức 600 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 12/09/2025 đến hết ngày 12/09/2026, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản sẵn đảm bảo sau:
- + Hàng hóa luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tương đương tỷ lệ dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại ngân hàng trên tổng dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo hợp đồng cho vay hạn mức số REF2601478400/HĐTD-HM/THUANPHUOC ngày 07/07/2026, với hạn mức 150 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản sẵn đảm bảo sau:
- + Quyền đòi nợ/khoản phải thu hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu theo phương thức L/C xuất khẩu hoặc T/T từ các nước: Châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Quyền đòi nợ đã hình thành.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cho vay hạn mức số DAN.DN.6091.120.126 ngày 26/05/2026, với hạn mức 100 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản đảm bảo sau:

+ Quyền đòi nợ/khoản phải thu do ACB tài trợ, bao gồm các quyền tài sản, các khoản tiền của Công ty trong việc giải quyết hợp đồng vô hiệu, hợp đồng kết thúc trước hạn.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

Đối tượng	Hợp đồng		Hạn mức	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
	Số	Ngày					
TMCP Công thương Việt Nam	01/2019-HDCVDADT/NHCT480 và phụ lục 01/2019-HDCVDADT-SBĐ/NHCT48	01/10/2019	239.000.000.000 VND	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp lệ thực hiện Dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Theo từng điểm nhận nợ	96 tháng	03 lô đất tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp và tài sản trên đất hình thành từ dự án.
	30002979/2025/HDCVDADT/NHCT480-THUANPHUOC	09/04/2025	10.670.000.000 VND	Đầu tư tài sản cố định bao gồm hệ thống mặt trời nổi lưới và máy móc thiết bị mới phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản tại nhà máy An An, tỉnh Đồng Tháp	Theo từng điểm nhận nợ	84 tháng	a) Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai tại nhà Máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tỉnh Đồng Tháp; b) Các quyền, lợi ích của công ty phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm đối với 1 hoặc tất cả các tài sản nêu tại a) nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường; c) Tất cả các quyền, tài sản lợi ích và các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà công ty có thể nhận được sau thời điểm hợp đồng này có hiệu lực để trao đổi, thay thế cho bất kỳ tài sản nào được đề cập tại điểm a) và b) nêu trên.
Quý đầu tư phát triển TP Đà Nẵng	20/2024/HĐTD	26/12/2024	4.700.000.000 VND	Thanh toán chi phí mua sắm máy móc thiết bị của dự án	5,6%/năm	84 tháng	Thế chấp máy móc thiết bị hiện có và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án vay vốn



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Số dư đầu kỳ	10.058.397.133
Trích quỹ trong kỳ	3.900.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.600.000.000)
Số dư cuối kỳ	10.358.397.133

4.22. Vốn chủ sở hữu**4.22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu mua lại chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	216.111.850.000	(4.234.000)	127.509.529.059	12.131.837.974	355.748.983.033
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	14.160.248.462	14.160.248.462
Chia cổ tức	-	-	-	(4.322.157.000)	(4.322.157.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.100.000.000)	(3.100.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển	-	-	3.109.680.974	(3.109.680.974)	-
Trích thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	216.111.850.000	(4.234.000)	130.619.210.033	14.160.248.462	360.887.074.495
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	25.315.192.564	25.315.192.564
Tạm ứng cổ tức năm 2025	-	-	-	(6.483.235.500)	(6.483.235.500)
Tại ngày 01/01/2026	216.111.850.000	(4.234.000)	130.619.210.033	32.992.205.526	379.719.031.559
Lãi trong kỳ này	-	-	-	15.714.127.815	15.714.127.815
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển (*)	-	-	29.092.205.526	(29.092.205.526)	-
Tại ngày 30/06/2026	216.111.850.000	(4.234.000)	159.711.415.559	15.714.127.815	391.533.159.374

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 03/NQ-ĐHCĐ ngày 28/03/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.22.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nguyễn Thị Phi Anh	124.103.800.000	123.733.800.000
Trần Văn Lĩnh	15.518.860.000	15.518.860.000
Cổ đông khác	76.484.956.000	76.854.956.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	4.234.000	4.234.000
Cộng	216.111.850.000	216.111.850.000

4.22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	216.111.850.000	216.111.850.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	216.111.850.000	216.111.850.000

4.22.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.611.185	21.611.185
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu phổ thông	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	400	400
- Cổ phiếu phổ thông	400	400
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu phổ thông	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.22.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	15.714.127.815	14.160.248.462
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.099.988.947	1.398.970.285
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.614.138.868	12.761.278.177
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	21.610.785	21.610.785
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	676	591

Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2026. Theo đó, lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2026 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng HĐQT, BKS dự kiến.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng HĐQT, BKS thực tế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2026 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2025 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 được trình bày lại là 591 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo kỳ trước là 426 VND/cổ phiếu).

4.22.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	15.714.127.815	14.160.248.462
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.099.988.947	1.398.970.285
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.614.138.868	12.761.278.177
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	21.610.785	21.610.785
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.610.785	21.610.785
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	676	591

Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2026. Theo đó, lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2026 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng HĐQT, BKS dự kiến.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng HĐQT, BKS thực tế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2026 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2025 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 được trình bày lại là 591 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo kỳ trước là 426 VND/cổ phiếu).

4.22.7. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2026 của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2025 với số tiền 6.483.235.500 VND (tương đương 3% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.22.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2026	130.619.210.033
Trích trong kỳ	29.092.205.526
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2026	159.711.415.559

4.23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026		
Ngoại tệ các loại:				
Tiền				
- USD	369.785,38	564.970,94		
- EUR	128,38	133,66		
- JPY	7.485,00	95.928,00		
Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp				
Tài sản	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND	Kỳ hạn	Đối tượng nhận ký cước, ký quỹ
Tài sản cố định hữu hình	5.398.399.910	5.719.051.700	Đến khi tất toán khoản vay	Quỹ đầu tư phát triển
Tài sản cố định hữu hình	5.950.017.798	7.094.636.214	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình	263.726.637.853	277.758.737.514	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Hàng tồn kho	-	27.744.901.246	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN
Hàng tồn kho	593.296.787.638	445.730.312.680	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Hàng tồn kho	365.371.181.384	51.561.288.437	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tài sản cố định vô hình	34.394.039.955	34.843.083.459	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	1.339.390.248.971	1.459.201.976.712
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	9.381.814.057	5.807.340.535
Cộng	1.348.772.063.028	1.465.009.317.247

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	27.063.939.111	17.772.802.240
Cộng	27.063.939.111	17.772.802.240

5.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	1.116.332.677.810	1.328.041.577.389
Giá vốn thành phẩm trong nước	31.506.712.399	5.982.302.209
Cộng	1.147.839.390.209	1.334.023.879.598

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	766.740.152	72.940.598
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	8.636.552.626	25.176.853.719
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.750.000	58.088.000
Lãi bán các khoản đầu tư	190.198.123	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.975.393.011	-
Cộng	12.595.633.912	25.307.882.317

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	19.662.596.735	17.018.994.636
Dự phòng các khoản đầu tư	-	86.030.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(63.516.288)	-
Lỗ đầu tư chứng khoán	39.297.859	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thanh toán	231.589.575	7.422.958.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	14.152.487.977
Chi phí tài chính khác	7.096.234	-
Cộng	19.877.064.115	38.680.471.590

5.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vận chuyển đường biển	26.457.837.441	30.348.577.535
Phí tư vấn kỹ thuật	9.180.502.654	4.405.568.442
Thuế chống bán phá giá	48.187.315.955	-
Thuế trợ cấp hàng xuất khẩu	5.233.712.934	2.590.361.184
Thuế nhập khẩu vào thị trường Mỹ	20.837.412.296	6.909.634.784
Chi phí bằng tiền khác	22.073.116.584	17.927.543.148
Cộng	131.969.897.864	62.181.685.093

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	8.056.285.699	7.703.122.264
Chi phí công cụ văn phòng	1.088.413.670	1.014.291.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.380.989	297.187.398
Thuế, phí và lệ phí	213.652.196	171.071.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.600.019.315	4.729.866.520
Chi phí khác bằng tiền	8.534.803.864	8.697.746.610
Cộng	20.848.555.733	22.613.285.842

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.8. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu tiền cảng tin	46.000.000	58.000.000
Máy gây mê tôm được nhận tài trợ	-	1.368.102.500
Thanh lý Tài sản cố định	20.909.091	-
Thu tiền bồi thường từ hãng tàu	5.252.800.000	-
Các khoản khác	121.824.113	181.506.375
Cộng	5.441.533.204	1.607.608.875

5.9. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	14.055.536	65.200.000
Chi phí khấu hao tài sản không được trừ	279.768.738	-
Thuế GTGT đầu vào không được hoàn	349.683.889	-
Chi phí có hóa đơn, chứng từ không hợp lệ	326.837.810	-
Chi phí khác	27.000.000	34.624.396
Cộng	997.345.973	99.824.396

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	852.354.829.232	1.129.706.483.553
Chi phí nhân công	165.991.058.461	147.236.911.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.677.302.086	22.670.589.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.049.301.221	112.247.161.829
Chi phí khác bằng tiền	93.557.817.308	36.316.992.209
Cộng	1.250.630.308.308	1.448.178.138.087

1.0010
CÔNG
CỔ P
THỦY SẢN
THUẬN
N TRÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.213.037.139	16.552.859.680
- Lợi nhuận từ hoạt động ưu đãi	12.602.214.903	14.945.250.805
- Lợi nhuận từ hoạt động không được ưu đãi	5.610.822.236	1.607.608.875
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.408.448.827	1.131.104.771
- Điều chỉnh tăng khác	411.102.854	-
- Phạt hành chính, phạt thuế	14.055.536	65.200.000
- Chi phí khác không được trừ	983.290.437	34.624.396
- Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	-	1.031.280.375
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	5.098.173.958	2.269.092.625
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.750.000	58.088.000
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	452.513.548	-
- Điều chỉnh giảm khác	229.521.201	2.211.004.625
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2021 theo NĐ 20/2025/NĐ-CP (chuyển 50%)	1.385.163.110	-
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2022 theo NĐ 132/2020/NĐ-CP (chuyển 50%)	1.116.790.326	-
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2023 theo NĐ 20/2025/NĐ-CP (chuyển 50%)	1.887.435.773	-
Tổng thu nhập tính thuế	14.523.312.008	15.414.871.826
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi	8.912.489.772	13.807.262.951
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động không được ưu đãi	5.610.822.236	1.607.608.875
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Hoạt động được ưu đãi	15%	15%
+ Hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.498.909.324	2.392.611.218
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.459.037.913	2.392.611.218
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	39.871.411	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.797.457.153.345	1.662.111.303.790
Cộng	1.797.457.153.345	1.662.111.303.790

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.276.371.783.321	1.409.643.020.275
Cộng	1.276.371.783.321	1.409.643.020.275

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUANDanh sách các bên liên quan

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải thu khác:		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	15.393.835.480	-
Cộng - Xem thêm Mục 4.5	15.393.835.480	-

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả nợ vay:		
Bà Lê Thanh Thảo	-	15.000.000.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi vay phát sinh trong kỳ:		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	-	175.890.411
Bà Lê Thị Minh Thảo	-	249.315.068
Bà Lê Thanh Thảo	-	172.602.740
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi vay đã trả:		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	-	175.890.411
Bà Lê Thị Minh Thảo	-	120.547.945
Bà Lê Thanh Thảo	-	172.602.740

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Bà Lê Thanh Thảo đã dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 68/2020/VCB-DN ngày 08/06/2020 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và bà Lê Thanh Thảo.

- Bà Nguyễn Thị Phi Anh đã dùng tiền gửi tiết kiệm thuộc sở hữu của mình với số tiền 15.000.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Cộng		300.000.000	300.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	190.307.000	235.775.000
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	295.583.000	368.531.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	46.994.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	152.276.000	182.012.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	171.505.000	192.816.000
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	209.963.000	239.685.000
Ông Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng Giám đốc	148.927.000	64.876.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	74.265.000	79.999.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	97.093.000	113.020.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS	88.260.000	106.232.000

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.1, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập và trình bày theo Thông tư 99. Do đó, một số dữ liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 do việc áp dụng Thông tư 99, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Trích):**

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2026 (được báo cáo lại) VND	Phân loại lại theo Thông tư 99 VND	Tại ngày 01/01/2026 (đã báo cáo trước đây) VND
		VND	VND	VND
Hàng tồn kho	141	637.928.571.342	(1.432.270.512)	639.360.841.854
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	1.432.270.512	1.432.270.512	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.262.825.550	5.262.825.550	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	16.203.912.948	(5.262.825.550)	21.466.738.498

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 27/06/2026 đã thông qua việc tạm hoãn thực hiện toàn bộ nội dung liên quan đến phương án tách Công ty tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

